

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2010)
Ông Nguyễn Tường Tấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2010)
Ông Phạm Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Khắc Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Khắc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 3 năm 2011

Số: 391 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 23. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 8 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1291/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIThị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009 (Điều chỉnh lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		4.944.061.486.185	5.068.659.437.981
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.370.774.920.006	1.383.302.959.936
1. Tiền	111		11.974.920.006	24.102.959.936
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.358.800.000.000	1.359.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.757.501.965.073	2.205.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.757.501.965.073	2.205.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.147.533.456.015	876.954.166.119
1. Phải thu khách hàng	131		1.127.997.764.695	867.117.307.022
2. Trả trước cho người bán	132		19.535.691.320	9.803.833.558
3. Các khoản phải thu khác	135		-	33.025.539
IV. Hàng tồn kho	140	7	667.135.338.764	601.820.401.413
1. Hàng tồn kho	141		805.312.493.187	719.652.863.777
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(138.177.154.423)	(117.832.462.364)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.115.806.327	1.581.910.513
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		389.734.422	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		726.071.905	1.581.910.513
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		6.597.354.289.368	6.644.679.613.900
I. Tài sản cố định	220		3.656.430.438.611	4.452.376.164.947
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	3.435.543.893.402	4.230.318.936.946
- Nguyên giá	222		13.275.202.742.399	13.266.503.453.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.839.658.848.997)	(9.036.184.517.004)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	32.826.712.601	38.299.406.924
- Nguyên giá	228		57.622.081.586	57.274.433.766
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.795.368.985)	(18.975.026.842)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		188.059.832.608	183.757.821.077
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	2.612.836.579.900	1.869.919.462.500
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.652.902.579.900	1.907.707.462.500
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(40.066.000.000)	(37.788.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		328.087.270.857	322.383.986.453
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.748.042.725	1.130.931.336
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	326.339.228.132	321.253.055.117
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.541.415.775.553	11.713.339.051.881

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIThị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009 (Điều chỉnh lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		7.813.668.820.569	7.447.623.707.696
I. Nợ ngắn hạn	310		902.111.138.786	924.898.850.242
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	418.825.354.748	372.648.174.393
2. Phải trả người bán	312		167.864.031.462	152.237.384.753
3. Người mua trả tiền trước	313		27.713.165	36.713.165
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	32.833.331.684	38.639.686.909
5. Phải trả người lao động	315		27.848.049.741	41.134.379.796
6. Chi phí phải trả	316	14	229.462.618.208	222.827.534.885
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	6.567.329.693	94.607.356.646
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		18.682.710.085	2.767.619.695
II. Nợ dài hạn	330		6.911.557.681.783	6.522.724.857.454
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	6.910.618.353.531	6.521.343.052.054
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		939.328.252	1.381.805.400
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		3.727.746.954.984	4.265.715.344.185
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	3.727.746.954.984	4.265.715.344.185
1. Vốn điều lệ	411		3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		108.544.202.558	-
3. Cổ phiếu quỹ	414		(90.866.726.821)	(65.004.299.580)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		309.922.524.263	309.600.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		82.500.000.000	52.500.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		55.296.954.984	706.269.643.765
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		11.541.415.775.553	11.713.339.051.881

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
1. Hàng hóa nhận giữ hộ	14.926.837.186	14.926.837.186
2. Nguồn vốn khấu hao	2.006.177.640.906	1.448.656.290.024
3. Vật tư thu hồi	253.039.789	115.445.193
4. Nợ khó đòi đã xử lý	107.261.329	107.261.329



Nguyễn Khắc Sơn

Ngày 8 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng

Lê Thế Sơn

Người lập

Nguyễn Quang Huy

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009 (Điều chỉnh lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	4.183.076.709.876	4.420.949.771.326
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.183.076.709.876	4.420.949.771.326
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	3.468.930.572.509	3.139.703.837.594
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		714.146.137.367	1.281.245.933.732
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	409.708.367.074	379.645.834.443
6. Chi phí tài chính	22	21	1.052.681.519.259	703.119.346.532
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		203.183.084.743	175.712.567.664
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		64.991.417.004	72.737.625.968
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.181.568.178	885.034.795.675
9. Thu nhập khác	31		5.575.430.100	7.511.452.482
10. Chi phí khác	32		5.719.249.661	6.075.793.422
11. (Lỗ)/lợi nhuận khác	40		(143.819.561)	1.435.659.060
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.037.748.617	886.470.454.735
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	6.997.962.592	51.284.757.120
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(5.086.173.015)	(5.544.010.353)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.125.959.040	840.729.707.968
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	13	2.586



Tổng Giám đốc

Nguyễn Khắc Sơn

Kế toán trưởng

Lê Thế Sơn

Người lập

Nguyễn Quang Huy

Ngày 8 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.037.748.617	886.470.454.735
2. Điều chỉnh cho các khoản:		1.435.112.021.948	1.251.362.307.562
- Khấu hao tài sản cố định	02	810.930.509.441	901.050.015.275
- Các khoản dự phòng	03	22.622.692.059	813.767.141
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	808.100.656.224	540.664.782.782
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(409.724.920.519)	(366.878.825.300)
- Chi phí lãi vay	06	203.183.084.743	175.712.567.664
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	1.441.149.770.565	2.137.832.762.297
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(269.272.834.050)	(12.321.006.969)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(85.659.629.410)	(66.798.464.541)
- Tăng các khoản phải trả	11	74.606.159.600	27.460.895.987
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(617.111.389)	570.236.808
- Tiền lãi vay đã trả	13	(199.853.084.743)	(174.202.701.298)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(30.503.745.710)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	96.308.000	57.797.680
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(11.025.493.800)	(8.453.879.705)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	949.424.084.773	1.873.641.894.549
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(180.211.652.418)	(14.787.273.248)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	329.080.000	88.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.414.800.000.000)	(1.796.823.073.944)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.862.298.034.927	2.155.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(745.195.117.400)	(1.435.557.500.000)
6. Tiền thu lãi cho vay và tiền gửi	27	401.870.052.822	432.363.162.380
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(75.709.602.069)	(659.716.684.812)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(25.862.427.241)	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(372.648.174.393)	(343.423.051.000)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(487.731.921.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(886.242.522.634)	(343.423.051.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(12.528.039.930)	870.502.158.737
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.383.302.959.936	512.800.801.199
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	1.370.774.920.006	1.383.302.959.936



Nguyễn Khắc Sơn

Kế toán trưởng

Lê Thế Sơn

Người lập

Nguyễn Quang Huy

Ngày 8 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Thực hiện Quyết định số 3537/QĐ-TCCB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá, Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hoá và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 1 năm 2006. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 1 năm 2006. Hiện nay, Công ty đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 05 năm 2007, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ngân Hà là các cổ đông sáng lập của Công ty.

Công ty có trụ sở chính đặt tại thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.438 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.438).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong năm cho giá trị vật tư thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng năm là 10% trong 10 năm kể từ thời điểm đưa thiết bị của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2 vào sử dụng. Theo đó, mỗi năm Công ty sẽ lập dự phòng thêm bằng 10% giá trị còn lại cuối niên độ kế toán của giá trị vật tư dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải	10 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 25

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận toàn bộ vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với khoản mục “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS 10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên trong năm 2010, việc áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC không có ảnh hưởng khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 đối với báo cáo tài chính của Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Theo các quy định về ưu đãi miễn giảm thuế tại các văn bản bao gồm Nghị định số 164/2003-NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2003, các công văn về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các tổ chức có chứng khoán giao dịch trên trung tâm giao dịch chứng khoán số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 4 năm 2005, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công văn số 1591/TCT/DNNN của Tổng Cục thuế ngày 4 tháng 5 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ năm Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp 2008, thu nhập từ hoạt động tài chính và hoạt động khác không thuộc đối tượng được ưu đãi và miễn giảm thuế. Các hoạt động nêu trên chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Quy định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	40.305.040	989.752.898
Tiền gửi ngân hàng	11.934.614.966	23.113.207.038
Các khoản tương đương tiền (i)	1.358.800.000.000	1.359.200.000.000
	1.370.774.920.006	1.383.302.959.936

- (i): Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn (i)	1.730.000.000.000	1.930.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (ii)	27.501.965.073	275.000.000.000
<i>Công ty Quản lý quỹ ĐTCK Bảo Việt (BVFMC)</i>	27.501.965.073	150.000.000.000
<i>Công ty Quản lý quỹ ĐTCK Việt Nam (VFM)</i>	-	75.000.000.000
<i>Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)</i>	-	50.000.000.000
	1.757.501.965.073	2.205.000.000.000

(i): Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm. Các khoản này được tính theo lãi suất cố định.

(ii): Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác được phân loại lại từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn sẽ đáo hạn trong năm 2010.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	787.457.741.072	701.004.758.374
Công cụ, dụng cụ	17.718.645.467	18.641.268.403
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.000.000	6.837.000
Thành phẩm	134.106.648	-
	805.312.493.187	719.652.863.777
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(138.177.154.423)	(117.832.462.364)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	667.135.338.764	601.820.401.413

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2010	1.704.790.176.466	11.472.572.692.048	50.392.950.804	36.122.379.658	2.625.254.974	13.266.503.453.950
Tăng trong năm	848.026.433	7.490.487.654	1.625.909.000	264.540.905	529.983.000	10.758.946.992
- Mua sắm mới	-	642.063.360	1.625.909.000	264.540.905	529.983.000	3.062.496.265
- Đầu tư XDCB hoàn thành	848.026.433	6.848.424.294	-	-	-	7.696.450.727
Giảm trong năm	95.864.100	724.916.285	842.651.530	263.576.628	132.650.000	2.059.658.543
Tại ngày 31/12/2010	1.705.542.338.799	11.479.338.263.417	51.176.208.274	36.123.343.935	3.022.587.974	13.275.202.742.399
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại ngày 01/01/2010	1.082.035.318.559	7.894.073.076.293	32.315.790.864	26.779.909.263	980.422.025	9.036.184.517.004
Tăng trong năm	69.100.989.991	729.500.597.319	2.947.182.527	3.358.588.898	314.105.246	805.221.463.981
- Trích khấu hao	68.996.763.313	729.500.597.319	2.947.182.527	3.358.588.898	307.035.241	805.110.167.298
- Tính hao mòn	104.226.678	-	-	-	7.070.005	111.296.683
Giảm trong năm	95.864.100	706.386.721	560.515.959	251.715.208	132.650.000	1.747.131.988
Tại ngày 31/12/2010	1.151.040.444.450	8.622.867.286.891	34.702.457.432	29.886.782.953	1.161.877.271	9.839.658.848.997
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2010	554.501.894.349	2.856.470.976.526	16.473.750.842	6.236.560.982	1.860.710.703	3.435.543.893.402
Tại ngày 31/12/2009	622.754.857.907	3.578.499.615.755	18.077.159.940	9.342.470.395	1.644.832.949	4.230.318.936.946

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 với giá trị là 4.305.129.207.050 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 716. 897.910.686 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	57.274.433.766	-	57.274.433.766
Tăng trong năm	-	347.647.820	347.647.820
Tại ngày 31/12/2010	57.274.433.766	347.647.820	57.622.081.586
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	18.975.026.842	-	18.975.026.842
Khấu hao trong năm	5.747.228.472	73.113.671	5.820.342.143
Tại ngày 31/12/2010	24.722.255.314	73.113.671	24.795.368.985
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	32.552.178.452	274.534.149	32.826.712.601
Tại ngày 31/12/2009	38.299.406.924	-	38.299.406.924

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Các khoản ủy thác đầu tư tài chính	200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Công ty Tài chính Cổ phần điện lực (i)</i>	<i>200.000.000.000</i>	<i>200.000.000.000</i>
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay (vi)	350.000.000.000	-
Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN quốc tế (v)	70.800.000.000	-
Đầu tư vào trái phiếu Công ty Tài chính CP điện lực (vii)	100.000.000.000	-
Đầu tư chứng khoán khác (iv)	46.498.000.000	46.498.000.000
Đầu tư trái phiếu Ngân hàng BIDV (ii)	118.151.962.500	118.151.962.500
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (v)	842.657.500.000	687.657.500.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (v)	817.295.117.400	747.900.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần dịch vụ sửa chữa nhiệt điện Miền Bắc (v)	7.500.000.000	7.500.000.000
Đầu tư vào trái phiếu Ngân hàng HBB (iii)	100.000.000.000	100.000.000.000
	2.652.902.579.900	1.907.707.462.500
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(40.066.000.000)	(37.788.000.000)
	2.612.836.579.900	1.869.919.462.500

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

- (i): **Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực:** Là khoản ủy thác đầu tư theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 1011/2009/UTDT-EVNFC_PPC ngày 10 tháng 11 năm 2009 với số tiền là 200 tỷ VND để mua trái phiếu doanh nghiệp bao gồm trái phiếu EVN và trái phiếu doanh nghiệp có uy tín. Thời hạn của khoản ủy thác đầu tư là 03 năm kể từ ngày Công ty chuyển khoản vốn ủy thác. Lãi suất của khoản ủy thác đầu tư là 11%/năm trong năm thứ nhất và bình quân lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng của 4 ngân hàng thương mại VCB, BIDV, Vietinbank, Agribank trên địa bàn Hà Nội vào ngày xác định lãi suất + 2,5%/năm cho năm thứ hai và năm thứ ba. Phí quản lý hàng năm của khoản ủy thác đầu tư này là 0,1% trên vốn đầu tư.
- (ii): **Đầu tư trái phiếu Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam (BIDV):** Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận số 03.17082009/SSI-PPC ngày 18 tháng 8 năm 2009 với số tiền là 117.975.000.000 VND với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày 19 tháng 5 năm 2016. Lãi suất 10,2%/năm có giá trị đến ngày 19 tháng 5 năm 2016. Trong trường hợp Trái phiếu không được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày này thì sau đó trái phiếu sẽ được hưởng lãi suất là 10,825%/năm.
- (iii): **Đầu tư trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (HBB):** Hợp đồng mua trái phiếu số 03HBB10/2009/HĐ-MBTP ngày 16 tháng 10 năm 2009 ký với Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội với số tiền là 100 tỷ VND. Thời hạn của Hợp đồng là hai năm tính từ thời điểm phát hành trái phiếu. Trái phiếu được chào bán không có đảm bảo, lãi suất năm đầu cố định là 10,5%, lãi suất năm sau thả nổi. Tại ngày 21 tháng 10 năm 2010, lãi suất được thông báo là 13,8%/năm áp dụng đến hết năm 2011.
- (iv): **Đầu tư chứng khoán khác:** là khoản đầu tư mua 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa với giá bình quân là 69.400 VND/cổ phiếu. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty xác định giá trị thị trường của cổ phiếu này là 9.600 VND/cổ phiếu. Theo đó, dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được trích lập thêm với số tiền là 2.278.000.000 VND.
- (v): Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện Miền Bắc và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỉ lệ vốn góp lần lượt là 15,5%, 15%, 15% và 10%. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng cũng không có gia hạn góp vốn.
- (vi): **Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay:** Công ty cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn theo hợp đồng vay vốn số 03/2010-EVN-PPC ngày 20 tháng 11 năm 2010 để đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện Lai Châu. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền thanh toán được thực hiện bù trừ khoản phải thu của Công ty với Công ty mua bán điện. Lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau khi tham chiếu với lãi suất trung bình của 4 ngân hàng thương mại VCB, BIDV, Vietinbank, Agribank trên địa bàn Hà Nội vào ngày xác định lãi suất + chi phí biên 3%/năm.
- (vii): **Đầu tư trái phiếu Công ty Tài chính Cổ phần điện lực:** Hợp đồng mua trái phiếu số 02/2010/HDTMTP/EVN Finance-PPC ngày 20 tháng 12 năm 2010 ký với Công ty Tài chính Cổ phần điện lực với số tiền là 100 tỷ VND. Thời hạn của Hợp đồng là 2 năm tính từ thời điểm phát hành trái phiếu. Trái phiếu được chào bán không có bảo đảm, lãi suất năm đầu cố định là 13%/năm, lãi suất các năm sau thả nổi theo lãi suất trung bình của 4 ngân hàng thương mại VCB, BIDV, Vietinbank, Agribank trên địa bàn Hà Nội vào ngày xác định lãi suất + chi phí biên 2,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (i) VND	Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (ii) VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2009	291.794.939.526	23.914.105.238	315.709.044.764
Tăng lợi nhuận trong năm	-	5.544.010.353	5.544.010.353
Tại ngày 01/01/2010	291.794.939.526	29.458.115.591	321.253.055.117
Tăng lợi nhuận trong năm	-	5.086.173.015	5.086.173.015
Tại ngày 31/12/2010	291.794.939.526	34.544.288.606	326.339.228.132

(i): Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận từ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Chi phí tài chính của khoản lỗ đánh giá lại lớn hơn cơ sở thuế. Vì vậy, một khoản tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận và xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài sản thuế được thu hồi.

(ii): Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận từ việc lập dự phòng hàng tồn kho theo chính sách kế toán của Công ty và theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán (Thuyết minh số 4 - Phần “Hàng tồn kho”). Vì vậy, có sự chênh lệch về mặt thời gian giữa lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế. Theo đó, tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận cho chênh lệch tạm thời này.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	418.825.354.748	372.648.174.393
	418.825.354.748	372.648.174.393

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 (Điều chỉnh lại) VND
Thuế giá trị gia tăng	4.921.957.682	17.322.851.299
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.778.974.002	20.781.011.410
Thuế thu nhập cá nhân	-	499.600.800
Các loại thuế khác	132.400.000	36.223.400
	32.833.331.684	38.639.686.909

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Lãi vay phải trả	56.070.000.000	52.740.000.000
Sửa chữa lớn chưa quyết toán	172.405.921.157	167.812.393.108
Các khoản khác	986.697.051	2.275.141.777
	229.462.618.208	222.827.534.885

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kinh phí Công đoàn	262.602.691	2.770.156.284
Bảo hiểm xã hội	137.709.912	15.002.154
Nhận ký cược ngắn hạn	31.599.558	1.252.064.309
Các khoản phải trả khác (i)	6.135.417.532	90.570.133.899
	6.567.329.693	94.607.356.646

- (i): Các khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm khoản phải trả Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1 với số tiền là 81.131.476.128 VND, là giá trị vật tư dự phòng của dây chuyền thiết bị Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Đây là giá trị vật tư dự phòng được bàn giao cho Công ty trong năm 2007. Trong năm 2010, Công ty đã hoàn trả khoản tiền này.

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010		31/12/2009	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	32.492.989.796	7.329.443.708.279	34.349.732.070	6.893.991.226.447
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.856.742.274)	(418.825.354.748)	(1.856.742.274)	(372.648.174.393)
Số dư vay dài hạn	30.636.247.522	6.910.618.353.531	32.492.989.796	6.521.343.052.054

Khoản vay trên được thực hiện bằng đồng Yên Nhật (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 03 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 03 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,43%/năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC, không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Trong vòng một năm	1.856.742.274	418.825.354.748	1.856.742.274	372.648.174.393
Trong năm thứ hai	1.856.742.274	418.825.354.748	1.856.742.274	372.648.174.393
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.570.226.822	1.256.476.064.245	5.570.226.822	1.117.944.523.171
Sau năm năm	23.209.278.426	5.235.316.934.538	25.066.020.700	5.030.750.354.490
	32.492.989.796	7.329.443.708.279	34.349.732.070	6.893.991.226.447
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.856.742.274)	(418.825.354.748)	(1.856.742.274)	(372.648.174.393)
Số phải trả dài hạn	30.636.247.522	6.910.618.353.531	32.492.989.796	6.521.343.052.054

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, số dư khoản vay dài hạn bằng đồng Yên Nhật (JPY) đã được đánh giá lại theo tỷ giá tính chéo được Ngân hàng Nhà nước công bố là 225,57 VND/JPY (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 200,7 VND/JPY) và tạo ra một khoản lỗ chênh lệch tỷ giá là 808.100.656.224 VND như đã trình bày tại Thuyết minh số 21- “Chi phí tài chính”.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối (Điều chỉnh lại) VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	3.262.350.000.000	-	(65.004.299.580)	309.600.000.000	52.500.000.000	(127.460.064.203)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	840.729.707.968
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2010	3.262.350.000.000	-	(65.004.299.580)	309.600.000.000	52.500.000.000	706.269.643.765
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	4.125.959.040
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(25.862.427.241)	-	-	-
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	(487.731.921.000)
Chuyển vốn mua lại cổ phiếu quỹ	-	90.866.726.821	-	-	-	(90.866.726.821)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	18.000.000.000	30.000.000.000	(76.500.000.000)
Chuyển các quỹ trong năm	-	17.677.475.737	-	(17.677.475.737)	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2010	3.262.350.000.000	108.544.202.558	(90.866.726.821)	309.922.524.263	82.500.000.000	55.296.954.984

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 5 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty đã các cổ đông được góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	31/12/2010		31/12/2009	
	VND	(%)	VND	(%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.663.918.960.000	51,00	2.135.002.260.000	65,44
Cổ đông khác	1.598.431.040.000	49,00	1.127.347.740.000	34,56
	3.262.350.000.000	100	3.262.350.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU

	2010	2009
	VND	VND
Hoạt động sản xuất điện	4.177.014.209.884	4.416.456.303.458
Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.175.318.391.986	4.414.627.671.870
Điện tự dùng	1.695.817.898	1.828.631.588
Hoạt động khác	6.062.499.992	4.493.467.868
Doanh thu hoạt động khác	6.062.499.992	4.493.467.868
	4.183.076.709.876	4.420.949.771.326

Doanh thu bán điện của Công ty được ghi nhận dựa trên giá quy định tại Nghị quyết số 401/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2010 và Nghị quyết số 20/NQ-HĐTV ngày 18 tháng 01 năm 2011 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về giá bán điện đối với Công ty trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2013. Đến ngày 02 tháng 3 năm 2011, hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được ký kết.

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2010	2009
	VND	VND
Hoạt động sản xuất điện	3.468.286.177.026	3.139.003.911.878
Chi phí than, dầu	2.192.784.770.124	1.855.823.339.645
Chi phí khấu hao	790.399.326.834	876.273.422.289
Chi phí sửa chữa lớn	156.974.822.102	182.350.854.154
Chi phí sửa chữa thường xuyên	66.271.665.094	37.840.700.870
Chi phí lương và bảo hiểm xã hội	141.957.337.000	139.022.393.000
Chi phí phụ liệu	21.114.230.787	22.765.835.777
Chi phí khác	98.784.025.085	24.927.366.143
Hoạt động khác	644.395.483	699.925.716
	3.468.930.572.509	3.139.703.837.594

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	292.596.228.651	350.817.513.342
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	116.533.017.792	16.008.533.333
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	579.120.631	12.819.787.768
	409.708.367.074	379.645.834.443

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Lãi tiền vay dài hạn	203.183.084.743	175.712.567.664
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	28.637.361.905	593.896.774
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay	808.100.656.224	540.664.782.782
Chi phí dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.278.000.000	(21.362.274.272)
Chi phí tài chính khác	10.482.416.387	7.510.373.584
	1.052.681.519.259	703.119.346.532

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2010	2009
	VND	(Điều chỉnh lại)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	6.037.748.617	886.470.454.735
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	22.104.101.753	22.560.041.413
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	22.104.101.753	22.560.041.413
Thu nhập chịu thuế	28.141.850.370	909.030.496.148
<i>trong đó:</i>		
Thu nhập từ hoạt động chính	(166.732.738.379)	703.891.467.670
Thu nhập từ hoạt động khác	194.874.588.749	205.139.028.478
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chính	0%	0%
Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.997.962.592	51.284.757.120

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2010	2009
	VND	(Điều chỉnh lại)
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.125.959.040	840.729.707.968
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	325.152.928	325.154.614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13	2.586

24. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2010	2009
	VND	VND
Doanh thu		
Bán điện cho Công ty mua bán điện	4.175.318.391.986	4.414.627.671.870
Trả gốc vay và lãi vay		
Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	372.648.174.393	343.423.051.000
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	203.183.084.743	175.712.567.664
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty CP DVSC Nhiệt điện miền Bắc cung cấp	91.986.730.213	62.910.680.254
Lãi đầu tư, cho vay		
Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	81.111.111.110	114.863.466.568

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.329.443.708.279	6.893.991.226.447
Phải thu Công ty mua bán điện	1.021.621.404.157	768.392.660.589
Đầu tư vào Công ty Cổ phần nhiệt điện Hải phòng	842.657.500.000	687.657.500.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	747.900.000.000
Đầu tư vào Công ty CP DVSC Nhiệt điện miền Bắc	7.500.000.000	7.500.000.000
Cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.350.000.000.000	1.000.000.000.000
Phải trả Công ty CP DVSC Nhiệt điện miền Bắc	37.752.183.325	20.496.606.258

Thu nhập của Ban Giám đốc:

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2010 VND	2009 VND
Thu nhập Ban Giám đốc	885.187.198	804.487.100

25. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 liên quan đến việc xác định khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay dài hạn được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thay vì tính vào chi phí khác theo Công văn số 7250/BTC-TCT ngày 7 tháng 6 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009.

Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố như sau:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009			
Như đã trình bày			
	trước đây	Điều chỉnh lại	Chênh lệch
Mã số	VND	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	-	51.284.757.120 (51.284.757.120)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	30.503.745.710	- 30.503.745.710
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17.858.675.499	38.639.686.909 (20.781.011.410)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	757.554.400.885	706.269.643.765 51.284.757.120



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Nguyễn Khắc Sơn

Lê Thế Sơn

Nguyễn Quang Huy

Ngày 8 tháng 3 năm 2011
